ĐẠI HỌC Y DƯỢC TPHCM
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Số: 1481/BVĐHYD-VTTB

V/v mời chào giá (lần 2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi chuyên khoa Tai mũi họng - Tiết niệu

2. Phạm vi cung cấp: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Loại hợp đồng: Trọn gói.

5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM.

6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: Tối thiểu 06 tháng.

7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.

8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 9.. giờ, ngày 15../.5../2024

9. Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá: Quý đơn vị thực hiện gửi hồ sơ chào giá online tại website của Bệnh viện và gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị, Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM.

Người liên hệ: Nguyễn Thị Thảo Nhân Số điện thoại: 028.3952.5239

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

+ Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);

+ Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của nhà thầu;

+ Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);

+ Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận lưu hành tự do (nếu có), catalogue sản phẩm và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác).

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (J19-035-nttnhan) (2).

TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG VẬT TƯ THIẾT BỊ

BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hữu Thịnh

BM: CVĐT.01(1)

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	**Tên danh mục mời chào giá**	**Cấu hình, tính năng kỹ thuật**	**Đơn vị tính**	**Số lượng**
1	Dao hình liềm, đầu nhọn, chiều dài 19 cm	Dao hình liềm - Cấu tạo: + Đầu nhọn + Chiều dài làm việc: 19 cm (±3%) - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	7
2	Muỗng nạo, cỡ nhỏ, chiều dài 19 cm	Muỗng nạo - Cấu tạo: + Đầu thuôn dài + Cỡ nhỏ + Chiều dài làm việc: 19 cm (±3%) - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
3	Muỗng nạo xoang trán, cong 90 độ, chiều dài 19 cm	Muỗng nạo xoang trán - Cấu tạo: + Cong 90 độ + Hình bầu dục, lưỡi cắt về phía trước + Chiều dài làm việc: 19 cm (±3%) - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
4	Que thăm dò xoang trán, cong 90 độ, chiều dài 22 cm	Que thăm dò xoang trán - Cấu tạo: + Hai đầu + Cong hai bên 90 độ + 01 đầu thẳng, 01 đầu gập góc ngược lại + Chiều dài làm việc: 22 cm (±3%) - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
5	Que thăm dò xoang hàm, 2 đầu, chiều dài 19 cm	Que thăm dò xoang hàm - Cấu tạo: + Hai đầu, cỡ 1,2 mm và 2 mm + Đầu hình quả banh + Chiều dài làm việc: 19 cm (±3%) - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
6	Que nâng có kênh hút, chiều dài 19 cm	Que nâng - Cấu tạo: + Hình dạng que + Có kênh hút + Chiều dài làm việc: 19 cm (±3%) - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
7	Que nâng 2 đầu, chiều dài 20 cm	Que nâng - Cấu tạo: + Hai đầu, 1 đầu tù và 1 đầu hơi bén + Chiều dài làm việc: 20 cm (±3%) - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
8	Kéo thẳng, chiều dài 12 cm	Kéo - Cấu tạo: + Tháo rời được + Thẳng, cỡ nhỏ + Chiều dài lưỡi cắt: 12 mm + Chiều dài làm việc: 12 cm (±3%) - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2

TT	Tên danh mục mời chào giá	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
9	Kẹp phẫu tích, cong xuống 90 độ, chiều dài 10 cm	Kẹp phẫu tích - Cấu tạo: + Hàm cong xuống + Hàm cố định cong 90 độ, hàm di động mở về phía sau 120 độ + Có đầu nối vệ sinh + Chiều dài làm việc: 10 cm (±3%) - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	6
10	Kẹp phẫu tích, cong xuống 140 độ, chiều dài 10 cm	Kẹp phẫu tích - Cấu tạo: + Hàm cong xuống + Hàm cố định cong 140 độ, hàm di động mở về phía sau 155 độ + Có đầu nối vệ sinh + Chiều dài làm việc: 10 cm (±3%) - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
11	Kẹp mũi xoang loại cắt xuyên, cong lên 45 độ , chiều dài 11 cm	Kẹp mũi xoang - Cấu tạo: + Hàm cong lên 45 độ + Loại cắt xuyên, đường cắt mịn + Bề rộng hàm: 4,2 mm + Chiều dài làm việc: 11 cm (±3%) - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	9
12	Kẹp mũi xoang loại cắt xuyên thẳng, chiều dài 11 cm	Kẹp mũi xoang - Cấu tạo: + Thẳng + Loại cắt xuyên, đường cắt mịn + Bề rộng hàm: 4,2 mm + Chiều dài làm việc: 11 cm (±3%) - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	9
13	Kẹp mũi xoang thẳng, chiều dài 13 cm, cỡ 1	Kẹp mũi xoang - Cấu tạo: + Thẳng, cỡ 1 + Có đầu nối vệ sinh + Chiều dài làm việc: 13 cm (±3%) - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
14	Kẹp mũi xoang gập góc lên 90 độ, chiều dài 13 cm, cỡ 1	Kẹp mũi xoang + Gập góc lên 90 độ, cỡ 1 + Có đầu nối vệ sinh + Chiều dài làm việc: 13 cm (±3%) - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	4
15	Kẹp mũi xoang gập góc lên 45 độ, chiều dài 13 cm, cỡ 1	Kẹp mũi xoang - Cấu tạo: + Gập góc lên 45 độ, cỡ 1 + Có đầu nối vệ sinh + Chiều dài làm việc: 13 cm (±3%) - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	6
16	Kẹp phẫu tích cong lên 65 độ, mở dọc, chiều dài 12 cm	Kẹp phẫu tích - Cấu tạo: + Hàm cong lên 65 độ, mở dọc + Hàm hình muỗng, đường kính 3 mm + Có đầu nối vệ sinh + Chiều dài làm việc: 12 cm (±3%) - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2

TT	Tên danh mục mời chào giá	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
17	Kẹp phẫu tích cong lên 65 độ, mở ngang, chiều dài 13 cm	Kẹp phẫu tích, - Cấu tạo: + Hàm cong lên 65 độ, mở ngang + Hàm hình muỗng, đường kính 3 mm + Có đầu nối vệ sinh + Chiều dài làm việc: 12 cm (±3%) - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
18	Kềm phẫu tích hàm cắt ngược, chiều dài 10 cm	Kềm phẫu tích - Cấu tạo: + Hàm cắt ngược lại + Có đầu nối vệ sinh + Chiều dài làm việc: 10 cm (±3%) - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	6
19	Kềm phẫu tích cắt bên phải, chiều dài 10 cm	Kềm phẫu tích - Cấu tạo: + Hàm cắt bên phải xuống và cắt về phía trước + Có đầu nối vệ sinh + Chiều dài làm việc: 10 cm (±3%) - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
20	Kềm phẫu tích cắt bên trái, chiều dài 10 cm	Kềm phẫu tích - Cấu tạo: + Hàm cắt bên trái xuống và cắt về phía trước + Có đầu nối vệ sinh + Chiều dài làm việc: 10 cm (±3%) - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
21	Kềm phẫu tích xoang bướm, chiều dài 18 cm	Kềm phẫu tích xoang bướm - Cấu tạo: + Hàm cắt tròn + Có đầu nối vệ sinh + Chiều dài làm việc: 18 cm (±3%) + Đường kính: 3,5 mm - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	6
22	Kềm phẫu tích hốc xoang trán, cong 65 độ, chiều dài 17 cm	Kềm phẫu tích hốc xoang trán - Cấu tạo: + Hàm cắt tròn, hàm hướng lên 65 độ + Có đầu nối vệ sinh + Chiều dài làm việc: 17 cm (±3%) + Đường kính: 3,5 mm - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
23	Kềm phẫu tích xương dưới, chiều dài 17 cm, đường kính 2 mm	Kềm phẫu tích xương - Cấu tạo: + Cắt mở xuống dưới và thẳng góc 90 độ + Tháo rời được + Chiều dài làm việc: 17 cm (±3%) + Đường kính: 2 mm - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
24	Kềm phẫu tích xương trên, chiều dài 17 cm, đường kính 2 mm	Kềm phẫu tích xương - Cấu tạo: + Nghiêng góc 60 độ về phía trước + Tháo rời được + Chiều dài làm việc: 17 cm (±3%) + Đường kính: 2 mm - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3

TT	Tên danh mục mời chào giá	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
25	Ống hút, chiều dài 17,5 cm, đường kính 3 mm	Ống hút + Gập góc, có lỗ cắt + Chiều dài làm việc: 10 cm (±3%) + Tổng chiều dài: 17,5 cm (±3%) + Đường kính ngoài: 9Fr./3 mm - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
26	Ống hút, chiều dài 14,5 cm, đường kính 2,5 mm	Ống hút - Cấu tạo: + Với đầu xa hình ô liu và có lỗ cắt + Có khóa LUER + Chiều dài làm việc: 14,5 cm (±3%) + Đường kính ngoài: 2,5 mm - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
27	Ống hút, chiều dài 14,5 cm, đường kính 4 mm	Ống hút - Cấu tạo: + Với đầu xa hình ô liu và có lỗ cắt + Có khóa LUER + Chiều dài làm việc: 14,5 cm (±3%) + Đường kính ngoài: 4 mm - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
28	Ống thông cong dài, chiều dài 15 cm, đường kính 2,5 mm	Ống thông cong dài - Cấu tạo: + Có khóa LUER + Chiều dài làm việc: 15 cm (±3%) + Đường kính ngoài: 2,5 mm - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
29	Ống soi 30 độ, chiều dài 18 cm, đường kính 4 mm	Ống soi 30 độ, chiều dài 18 cm - Cấu tạo: + Góc soi nghiêng 30 độ + Chiều dài: 18 cm (±3%) + Đường kính: 4 mm + Góc soi mở rộng + Dây quang học truyền ánh sáng được gắn bên trong ống + Thị trường mở rộng + Được tạo ra từ các thỏi lăng kính (Rod lens) nối tiếp nhau + Cường độ ánh sáng phân đều cho toàn bộ phẫu trường (từ trung tâm đến ngoại vi) + Có thể tiệt khuẩn Autoclave - Tăng độ sáng và rõ nét của tổ chức mô > 2 lần - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	9
30	Ống soi 70 độ, chiều dài 18 cm, đường kính 4 mm	Ống soi 70 độ, chiều dài 18 cm - Cấu tạo: + Góc soi nghiêng 70 độ + Chiều dài: 18 cm (±3%) + Đường kính: 4 mm + Góc soi mở rộng + Dây quang học truyền ánh sáng được gắn bên trong ống + Thị trường mở rộng + Được tạo ra từ các thỏi lăng kính (Rod lens) nối tiếp nhau + Cường độ ánh sáng phân đều cho toàn bộ phẫu trường (từ trung tâm đến ngoại vi) + Có thể tiệt khuẩn Autoclave - Tăng độ sáng và rõ nét của tổ chức mô > 2 lần - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5

TT	Tên danh mục mời chào giá	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
31	Dây dẫn sáng chiều dài 230 cm, đường kính 3,5 mm	Dây cáp quang học - Cấu tạo: + Đầu nối thẳng + Chiều dài 230 cm (±3%) + Đường kính 3,5 mm - Tương thích với ống soi quang học hãng Karl Storz có tại Bệnh viện (model 7230AWA, model 7230BWA, model 7230CWA) - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	25
32	Kẹp phẫu tích tai, hàm có răng cưa, chiều dài 8 cm	Kẹp phẫu tích tai - Cấu tạo: + Hàm có răng cưa, 1 mm x 4,5 mm + Chiều dài làm việc: 8 cm (±3%) + Tháo rời được - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	4
33	Dao tròn 45 độ, chiều dài 16 cm	Dao tròn - Cấu tạo: + Dao tròn 45 độ + Chiều dài làm việc: 16 cm (±3%) + Đường kính: 2 mm - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
34	Kim có tay cầm nắm, cong vừa, chiều dài 16,5 cm	Kim có tay cầm nắm - Cấu tạo: + Cong vừa + Chiều dài làm việc: 16,5 cm (±3%) - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
35	Móc có tay cầm nắm, chiều dài 16 cm, đường kính đầu móc 0,2 mm	Móc có tay cầm nắm - Cấu tạo: + Chiều dài làm việc: 16 cm (±3%) + Đường kính đầu móc: 0,2 mm - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
36	Ống hút gập góc, chiều dài 7.5 cm, đường kính ngoài 1 mm	Ống hút - Cấu tạo: + Gập góc, có lỗ cắt + Có khóa LUER + Chiều dài làm việc: 7,5 cm (±3%) + Đường kính ngoài: 1 mm - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
37	Ống hút thẳng, chiều dài 10 cm, đường kính ngoài 0,7 mm	Ống hút - Cấu tạo: + Thẳng + Có khóa LUER + Dễ uốn nắn + Chiều dài làm việc: 10 cm (±3%) + Đường kính ngoài: 0,7 mm - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
38	Ống hút khói, chiều dài 12 cm	Ống hút khói - Cấu tạo: + Chiều dài: 12 cm (±3%) - Dùng với ống soi thanh quản - Tương thích với ống soi thanh quản model 8574JP của hãng Karl Storz có tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2

TT	Tên danh mục mời chào giá	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
39	Thanh truyền ánh sáng, chiều dài 12 cm	Thanh truyền sáng xa - Cấu tạo: + Chiều dài: 12 cm (±3%) - Dùng với ống soi thanh quản - Tương thích với ống soi thanh quản model 8574J của hãng Karl Storz có tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	4
40	Ống thông cách điện, chiều dài 26 cm, đường kính ngoài 3 mm	Ống thông cách điện - Cấu tạo: + Dùng hút và đốt cầm máu + Chiều dài: 26 cm (±3%) + Đường kính ngoài: 3 mm - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	6
41	Dao liềm cong chiều dài 23 cm, thân hình thuôn nhọn	Dao hình liềm - Cấu tạo: + Đầu cong, mảnh + Thân dụng cụ hình thuôn nhọn 3 đến 1 mm + Chiều dài: 23 cm (±3%) - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
42	Kẹp phẫu tích hàm cúp cong phải, chiều dài 23 cm	Kẹp phẫu tích - Cấu tạo: + Hàm cong mở lên sang phải, hình cúp, đường kính: 2 mm + Chiều dài: 23 cm (±3%) + Có đầu nối vệ sinh - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
43	Kẹp phẫu tích hàm cúp cong trái, chiều dài 23 cm	Kẹp phẫu tích - Cấu tạo: + Hàm cong mở lên sang trái, hình cúp, đường kính: 2 mm + Chiều dài: 23 cm (±3%) + Có đầu nối vệ sinh - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
44	Kẹp cắt hàm hình cúp cong lên, chiều dài 23 cm	Kẹp cắt - Cấu tạo: + Hàm cong lên trên, hình cúp, đường kính: 2 mm + Chiều dài: 23 cm (±3%) - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	4
45	Kẹp phẫu tích hình muỗng cong lên, chiều dài 23 cm	Kẹp phẫu tích hình muỗng - Cấu tạo: + Hàm mở 01 bên, hàm cong lên + Chiều dài: 23 cm (±3%) + Đường kính: 4 mm + Có đầu nối vệ sinh - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2

TT	Tên danh mục mời chào giá	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
46	Kẹp phẫu tích hình muỗng cong phải, chiều dài 23 cm	Kẹp phẫu tích hình muỗng - Cấu tạo: + Hàm mở 01 bên, hàm cong phải + Chiều dài: 23 cm (±3%) + Đường kính: 4 mm + Có đầu nối vệ sinh - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
47	Kẹp phẫu tích hình muỗng cong trái, chiều dài 23 cm	Kẹp phẫu tích hình muỗng - Cấu tạo: + Hàm mở 01 bên, hàm cong trái + Chiều dài: 23 cm (±3%) + Đường kính: 4 mm + Có đầu nối vệ sinh - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
48	Kẹp giữ mô cong phải, chiều dài 23 cm	Kẹp giữ mô cỡ nhỏ - Cấu tạo: + Hàm cong phải và có rãnh ngang + Chiều dài: 23 cm (±3%) + Vỏ ngoài hình nón, có đầu nối vệ sinh - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
49	Kẹp giữ mô cong trái, chiều dài 23 cm	Kẹp giữ mô cỡ nhỏ - Cấu tạo: + Hàm cong trái và có rãnh ngang + Chiều dài: 23 cm (±3%) + Có đầu nối vệ sinh - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
50	Kéo phẫu tích thẳng, chiều dài 23 cm	Kéo phẫu tích cỡ nhỏ - Cấu tạo: + Hàm thẳng + Chiều dài 23 cm (±3%) + Có đầu nối vệ sinh - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
51	Kẹp phẫu tích hình muỗng cong phải, chiều dài 23 cm, đường kính 2 mm	Kẹp phẫu tích hình muỗng - Cấu tạo: + Hàm mở 01 bên, hàm cong phải + Chiều dài: 23 cm (±3%) + Đường kính: 2 mm + Có đầu nối vệ sinh - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
52	Kẹp phẫu tích hình muỗng cong trái, chiều dài 23 cm, đường kính 2 mm	Kẹp phẫu tích hình muỗng - Cấu tạo: + Hàm mở 01 bên, hàm cong trái + Chiều dài: 23 cm (±3%) + Đường kính: 2 mm + Có đầu nối vệ sinh - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	4

TT	Tên danh mục mời chào giá	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
53	Kẹp sinh thiết thanh quản, chiều dài 23 cm	Kẹp sinh thiết thanh quản - Cấu tạo: + Hàm hình oval, cỡ 3x4 mm + Hàm mở 01 bên + Chiều dài: 23 cm (±3%) + Có đầu nối vệ sinh - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
54	Dao cong, chiều dài 23 cm	Dao - Cấu tạo: + Hình gậy đánh gôn, cong và tròn + Chiều dài: 23 cm (±3%) - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
55	Ống soi 0 độ, chiều dài 18 cm, đường kính 4 mm	Ống soi 0 độ, đường kính 4 mm - Cấu tạo: + Góc soi 0 độ + Chiều dài: 18 cm (±3%) + Đường kính: 4 mm + Dây quang học truyền ánh sáng được gắn bên trong ống + Thị trường mở rộng + Được tạo ra từ các thỏi lăng kính + Cường độ ánh sáng phân đều cho toàn bộ phẫu trường (từ trung tâm đến ngoại vi) + Có thể tiệt khuẩn Autoclave - Tăng độ sáng và rõ nét của tổ chức mô > 2 lần - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
56	Ống soi 0 độ, chiều dài 18cm, đường kính 2.7mm	Ống soi 0 độ, đường kính 2.7mm Cấu tạo: - Góc soi 0 độ - Chiều dài: 18cm (±5%) - Đường kính: 2.7mm - Dây quang học truyền ánh sáng được gắn bên trong ống - Được tạo ra từ các thỏi lăng kính - Cường độ ánh sáng phân đều cho toàn bộ phẫu trường (từ trung tâm đến ngoại vi) - Có thể tiệt khuẩn được - Tăng độ sáng và rõ nét của tổ chức mô > 2 lần - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	1
57	Ống soi 0 độ, chiều dài 50 cm, đường kính 4,5 mm	Ống soi 0 độ, chiều dài 50 cm Cấu tạo: - Góc soi 0 độ - Chiều dài: 50 cm (±3%) - Đường kính: 4,5 mm - Dây quang học truyền ánh sáng được gắn bên trong ống - Được tạo ra từ các thỏi lăng kính - Cường độ ánh sáng phân đều cho toàn bộ phẫu trường (từ trung tâm đến ngoại vi) - Có thể tiệt khuẩn được Autoclave - Tăng độ sáng và rõ nét của tổ chức mô > 2 lần - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	1

TT	Tên danh mục mời chào giá	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
58	Ống soi mềm hầu họng, thanh quản, góc nhìn 70 độ	Ống soi mềm hầu họng, thanh quản Cấu tạo: - Góc nhìn: 70 độ - Chiều dài làm việc: 30 cm (±3%) - Đường kính ngoài đầu xa ống soi: 3.5 mm - Hoạt động đầu xa: 02 hướng + Lên (Up): 180 độ + Xuống (Down): 90 độ Bao gồm: - Ống soi mềm: 01 cái - Vali bảo quản ống soi: 01 cái - Nắp đậy đồng hồ áp lực: 01 cái - Đồng hồ kiểm tra rò rỉ: 01 cái - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	1
59	Ống soi mềm thanh quản, khí quản, góc nhìn 90 độ	Ống soi mềm thanh quản, khí quản Cấu tạo: - Góc nhìn: 90 độ - Chiều dài làm việc: 37 cm (±3%) - Đường kính ngoài đầu xa ống soi: 2,5 mm - Hoạt động đầu xa: 02 hướng + Lên (Up): 180 độ + Xuống (Down): 90 độ Bao gồm: - Ống soi mềm: 01 cái - Vali bảo quản ống soi: 01 cái - Nắp đậy đồng hồ áp lực: 01 cái - Đồng hồ kiểm tra rò rỉ: 01 cái - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	1
60	Ống soi bể thận loại nhỏ, 12 độ, chiều dài 22 cm, đường kính 12Fr	Ống soi quang học bể thận loại nhỏ Cấu tạo: - Góc soi 12 độ - Thị kính gập góc - Chiều dài: 22 cm (±3%) - Đường kính: 12Fr., kênh làm việc 6,7Fr - Có thể tiệt khuẩn được Autoclave Kèm theo ống soi quang học: - Cổng dụng cụ với nắp chặn nước và khóa lắp nhanh, 01 kênh - Nắp chặn nước - Ống nối khóa LUER, đường kính ống 9 mm - Ống nối khóa LUER, có khóa nước, tháo rời được - Dụng cụ hỗ trợ chèn, dùng với dây dẫn đường - Giỏ lưới bảo quản ống soi - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	1
61	Khay đựng tiệt khuẩn ống soi mềm	Khay đựng tiệt khuẩn ống soi mềm - Được đục lỗ - Có nắp - Sử dụng với ống soi mềm có chiều dài tối đa 39 cm - Kích thước: 690 x 170 x 92 mm (±3%) - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2

TT	Tên danh mục mời chào giá	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
62	Ống vỏ ngoài 16,5/17,5 Fr	Ống vỏ ngoài phẫu thuật Cấu tạo: + Kích cỡ 16,5/17,5 Fr + Chiều dài: 15 cm (±3%) + Dùng để tưới và hút liên tục - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	1
63	Ống thông sử dụng với ống vỏ ngoài 16,5/17,5 Fr	Ống thông Cấu tạo: + Có kênh trung tâm và kênh lệch tâm thứ hai cho dây dẫn hướng, + Sử dụng với ống vỏ ngoài 16,5/17,5 Fr. - Tiêu chuẩn CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	1
64	Ống soi 30 độ, chiều dài 29 cm, đường kính 5 mm	Ống soi 30 độ, chiều dài 29 cm Cấu tạo: - Góc soi 30 độ - Chiều dài: 29 cm (±3%) - Đường kính: 5 mm - Dây quang học truyền ánh sáng được gắn bên trong ống - Được tạo ra từ các thỏi lăng kính - Cường độ ánh sáng phân đều cho toàn bộ phẫu trường (từ trung tâm đến ngoại vi) - Có thể tiệt khuẩn được Autoclave - Tăng độ sáng và rõ nét của tổ chức mô > 2 lần - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
65	Ruột của kẹp lưỡng cực ngàm có răng cưa	Ruột của kẹp lưỡng cực Cấu tạo: - Ngàm có răng cưa - Sử dụng 1 lần - Tương thích tay cầm với vỏ ngoài của kẹp lưỡng cực model 11540FGR của hãng Karl Storz có tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	30

CÔNG TY: .....

ĐỊA CHỈ: .....

SỐ ĐIỆN THOẠI: .....

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM

Theo công văn mời chào giá số ...../BVĐHYD-VTTB của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

TT	TT trong danh mục mời chào giá	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Đặc tính kỹ thuật	Mã HS	Chủng loại	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng (có khả năng cung ứng)	Đơn giá	Quyết định/hợp đồng trúng thầu tại các cơ sở y tế khác			Ghi chú
													Số QĐ	Ngày ban hành	Đơn giá	

❖ Yêu cầu báo giá:

- Báo giá này có hiệu lực 180 ngày kể từ ngày báo giá.

- Đơn giá trên đã bao gồm thuế GTGT, các loại thuế khác, phí, chi phí vận chuyển và các chi phí khác liên quan đến việc vận chuyển đến địa điểm lắp đặt, chi phí kiểm định, bảo hiểm, bảo hành hàng hóa.

- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.

Ngày ... tháng .... năm ....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)